058 | 004

外国籍 母国親族連絡票

本紙は、賃貸保証委託申込書と一緒に
日本セーフティーへFAXください。

1） 点線枠内を不動産会社様がご記入ください。*特別永住者および永住者の方は、本紙は不要です。

お申込者様名	物件名・号室

取扱店CD：599064

株式会社フォアライフ・ソリューションズ

送信先FAX：03-5446-5701

日本セーフティー株式会社

2） お客様に下記①～④をご記入いただいてください。

・母国親族連絡先 ・Family Contact number in the home country ・母国亲属（家族或亲戚）的联络方式 ・모국친족(가족이나 친척)의연락처 ・Số điện thoại của người thân trong gia đình tại mẫu quốc ・Número de telefone de familiar para contato no país de origem	お名前 ・ Name ・ 姓名 ・ 성명 ・ Họ tên ・ Nome ①
	ご住所 ・ Home address ・ 地址 ・ 주소 ・ Địa chỉ ・ Endereço ②
	続　柄 ・ Relationship with customer ・ 关系 ・ 친족관계 ・ Quan hệ thân nhân ・ Grau de parentesco ③
	電話番号 ・ Phone number ・ 电话号码 ・ 전화번호 ・ Số điện thoại ・ N° do telefone ④ （　　）

※ 母国にお住まいのご親族の連絡先をお書きください。緊急時に連絡する場合がございますので、お間違いないよう記入してください。

※ Please provide any relative's contact number who is living in your home country. Make sure that the number is correct since we might use it for emergency cases.

※ 请填写住在母国的亲族的联络方式。紧急情况时有可能会联系,所以请务必正确填写。

※ 모국에 계시는 친척가족의 연락처를 기입하십시오. 긴급사항일 경우 모국으로 직접 연락할 경우도 있기때문에 반드시 정확한 정보를 기입하십시오.

※ Xin hãy cung cấp số điện thoại của một người thân trong gia đình đang sinh sống tại Việt Nam. Mong bạn viết số điện thoại chính xác vì chúng tôi có thể sẽ cần liên lạc cho họ trong trường hợp khẩn cấp.

※ Queira nos informar o número de telefone de contato do país de origem. Queira informar corretamente, entraremos em contato em casos de emergência.

00001